

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao chi tiết kế hoạch vốn ngân sách Trung ương năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2023;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 2229/SKHĐT-THQH ngày 09/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư vốn ngân sách Trung ương (vốn trong nước) năm 2023 như sau:

1. Nguồn vốn ngân sách Trung ương (vốn trong nước): 1.579.200 triệu đồng.

(Chi tiết theo các Phụ lục số 01 kèm theo)

2. Nguồn vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội thuộc lĩnh vực y tế tỉnh Lai Châu: 143.000 triệu đồng. Phân bổ chi tiết sau khi có đủ điều kiện.

3. Nguồn vốn ngân sách Trung ương thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia: 881.799 triệu đồng.

(Chi tiết theo các Phụ lục số 02, 03 kèm theo)

Điều 2. Căn cứ kế hoạch vốn được giao, các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan:

- Tổ chức thực hiện, quản lý và thanh toán nguồn vốn theo đúng quy định hiện hành.

- Đối với vốn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia cấp huyện, thành phố: UBND các huyện thành phố giao chi tiết đến các dự án, đơn vị thực hiện. Báo cáo kết quả phân bổ về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính trước ngày 31/12/2022.

- Định kỳ hằng tháng, quý và cả năm, Kho bạc Nhà nước tỉnh và các chủ đầu tư báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư vốn ngân sách Trung ương năm 2023 được giao về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

Điều 3. Thời gian giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Trung ương năm 2023 thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công và các Nghị định hướng dẫn thi hành.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các Chủ đầu tư và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT, Tài chính; } (Báo cáo)
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Ban QLDA các huyện, thành phố;
- VP UBND tỉnh: C, V;
- Lưu: VT, Th1, Th6.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Tiến Dũng

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2023

Kèm theo Quyết định số: 1638 /QĐ-UBND ngày 12 / 12 /2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

Đơn vị: Triệu đồng



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2023	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				
					Tổng số	Trong đó: NSTW			
	TỔNG SỐ				7.485.000	6.645.000	1.579.200		
A	VỐN NSTW PHÂN THEO TIÊU CHÍ ĐỊNH MỨC				3.619.000	3.579.000	959.200		
I	PHÂN BỐ CHI TIẾT				3.619.000	3.579.000	937.700		
I.1	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ				3.239.000	3.239.000	855.400		
(1)	GIAO THÔNG				2.205.000	2.205.000	583.577		
	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2023				640.000	640.000	204.910		
	Dự án nhóm B				640.000	640.000	204.910		
1	Dường hành lang biên giới Phong Thổ (tỉnh Lai Châu) - Bất Xát (tỉnh Lào Cai)	Phong Thổ	20-23	1360/23.9.20	300.000	300.000	95.728	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông	
2	Nâng cấp đường tỉnh lộ 130 (San Thành - Thèn Sin - Mường So)	TP Lai Châu; Tam Đường; Phong Thổ	20-23	1361/23.9.20	340.000	340.000	109.182	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông	
	Các dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2023				1.035.000	1.035.000	300.967		
	Dự án nhóm B				1.035.000	1.035.000	300.967		
1	Nâng cấp đường tỉnh 133 đoạn Km0-Km21, huyện Tân Uyên	Tân Uyên	21-24	1295/1.10.21	270.000	270.000	89.867	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông	
2	Nâng cấp đường Mường Kim - Tả Mung gần với đường sản xuất Khu Nà Phạ xã Mường Kim	Thান Uyên	21-24	1028/6.8.21	80.000	80.000	17.900	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Than Uyên	



TT	Nội dung dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch năm 2023	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành		Tổng mức đầu tư				
				Tổng số	Trong đó: NSTW					
3	Nâng cấp đường tuần tra biên giới Cửa khẩu Ma Lù Thàng - Lũng Than - Vàng Ma Chải	Phong Thổ	21-24	992/30.7.21	90.000	90.000	23.900	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh		
4	Nâng cấp đường Mỏ Si San - Si Lở Lầu, huyện Phong Thổ	Phong Thổ	21-24	1027/6.8.21	80.000	80.000	9.500	Ban QLDA huyện Phong Thổ		
5	Nâng cấp đường giao thông Nậm Lẩn - Mốc 17, huyện Mường Tè	Mường Tè	21-24	997/30.7.21	190.000	190.000	68.500	Ban QL công trình dự án phát triển kinh tế xã hội huyện Mường Tè		
6	Nâng cấp đường Lao Lừ Đè - Nậm Tam, huyện Sin Hồ	Sin Hồ	21-24	1303/04.10.21	80.000	80.000	28.700	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Sin Hồ		
7	Đường liên xã Khun Há - Bàn Bò, huyện Tam Đường	Tam Đường	21-24	1026/6.8.21	80.000	80.000	28.700	Ban QLDA huyện Tam Đường		
8	Nâng cấp đường giao thông đến trung tâm các xã huyện Mường Tè	Huyện Mường Tè	22-25	1611/06.12.21	85.000	85.000	13.400	Ban QL công trình dự án phát triển kinh tế xã hội huyện Mường Tè		
9	Nâng cấp tuyến đường từ đôn biên phòng Hua Bùn ra khu vực Mốc 52 huyện Nậm Nhùn; Đường ra biên giới đoạn từ bản Tả Pạ - khu vực Mốc 34, huyện Mường Tè	Mường Tè, Nậm Nhùn	22-25	1634/07.12.21	80.000	80.000	20.500	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh		
Các dự án khởi công mới năm 2023				530.000	530.000	530.000	77.700			
Dự án nhóm B				530.000	530.000	530.000	77.700			
1	Nâng cấp cải tạo đường tỉnh 128	Sin Hồ	23-26	1332/25.11.22	350.000	350.000	53.600	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông		
2	Đường giao thông từ trung tâm huyện Phong Thổ đến cầu Phiêng Đanh	Phong Thổ	23-26	1577/02.12.22	100.000	100.000	13.400	Ban QLDA huyện Phong Thổ		
3	Đường từ thị trấn Tam Đường đến đường nối TP Lai Châu với cao tốc Nội Bài - Lào Cai	Tam Đường	23-26	1578/02.12.22	80.000	80.000	10.700	Ban QLDA huyện Tam Đường		
(2)	KHU CÔNG NGHIỆP VÀ KHU KINH TẾ				280.000	280.000	91.000			
Các dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2023					280.000	280.000	91.000			



TT	Dự án nhóm B	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch năm 2023	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Trong đó: NSTW			
					Tổng số					
1	Hạ tầng thiết yếu Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng	Khu KTCK Ma Lù Thàng	21-24	1290/1.10.21	200.000	200.000	200.000	72.500	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và Công nghiệp	
2	Hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Than Uyên, tỉnh Lai Châu.	Huyện Than Uyên	22-25	390/30.3.22	80.000	80.000	80.000	18.500	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và Công nghiệp	
(3)	CẤP NƯỚC, THOÁT NƯỚC				100.000	100.000	100.000	30.000		
	Các dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2023				100.000	100.000	100.000	30.000		
	<i>Dự án nhóm B</i>				<i>100.000</i>	<i>100.000</i>	<i>100.000</i>	<i>30.000</i>		
1	Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu	TP Lai Châu	21-24	1606/03.12.21	100.000	100.000	100.000	30.000	Ban QLDA thành phố Lai Châu	
(4)	CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TẠI CÁC ĐÔ THỊ				200.000	200.000	200.000	36.400		
	Các dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2023				100.000	100.000	100.000	24.000		
	<i>Dự án nhóm B</i>				<i>100.000</i>	<i>100.000</i>	<i>100.000</i>	<i>24.000</i>		
2	Hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm hành chính huyện Nậm Nhùn (GDIII)	Huyện Nậm Nhùn	22-25	1612/06.12.21	100.000	100.000	100.000	24.000	Ban QLDA các công trình xây dựng cơ bản huyện Nậm Nhùn	
	Các dự án khởi công mới năm 2023				100.000	100.000	100.000	12.400		
	<i>Dự án nhóm B</i>				<i>100.000</i>	<i>100.000</i>	<i>100.000</i>	<i>12.400</i>		
3	Hạ tầng đô thị thị trấn Than Uyên	Than Uyên	23-26	1580/02.12.22	100.000	100.000	100.000	12.400	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Than Uyên	
(5)	NÔNG NGHIỆP, LÀM NGHIỆP, ĐIỂM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN				454.000	454.000	454.000	114.423		
	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2023				454.000	454.000	454.000	114.423		



TT	Dự án nhóm B	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2023	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				
					Tổng số	Trong đó: NSTW			
1	Kè chống xói lở bờ sông Đà, bảo vệ mặt bằng khu giáo dục, y tế và dân cư thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn	Nậm Nhùn	20-23	1362/23.9.20	90.000	90.000	8.000	Ban QLDA các công trình xây dựng cơ bản huyện Nậm Nhùn	
2	Kè chống xói lở bờ suối Hoàng Hồ, bảo vệ khu dân cư và đất nông nghiệp thị trấn Sin Hồ	Sin Hồ	20-23	1364/23.9.20	120.000	120.000	28.500	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
3	Sắp xếp ổn định dân cư 2 xã Tà Tông và Mù Cả, huyện Mường Tè	Mường Tè	20-23	1735/04.12.20	80.000	80.000	25.625	Ban QL công trình dự án phát triển kinh tế xã hội huyện Mường Tè	
4	Sắp xếp, ổn định các điểm dân cư: Mò Lò, Sa Thàng xã Mù Cả, điểm Nậm Kha Á, Pà Khà, U Na 1-2, Tia Ma Mù, Pa Tét xã Tà Tông, huyện Mường Tè	Mường Tè	20-23	1734/04.12.20	164.000	164.000	52.298	Ban QL công trình dự án phát triển kinh tế xã hội huyện Mường Tè	
1.2	THỂ DỤC, THỂ THAO				190.000	150.000	45.000		
	Các dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2023				190.000	150.000	45.000		
	Dự án nhóm B				190.000	150.000	45.000		
1	Khu liên hợp thể thao tỉnh Lai Châu	TP Lai Châu	21-24	1286/1.10.21	190.000	150.000	45.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và Công nghiệp	
1.3	Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH				65.000	65.000	11.500		
	Các dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2023				65.000	65.000	11.500		
	Dự án nhóm B				65.000	65.000	11.500		
1	Trung tâm y tế huyện Nậm Nhùn (giai đoạn 2)	Nậm Nhùn	22-25	1593/30.11.21	65.000	65.000	11.500	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và Công nghiệp	



TT	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch năm 2023	Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Trong đó: NSTW			
				Tổng số					
I4	HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP, TÒ CHỨC CHÍNH TRỊ VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI			50.000	50.000	8.900			
	Các dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2023			50.000	50.000	8.900			
	<i>Dự án nhóm B</i>			50.000	50.000	8.900			
I	Trung tâm Hội nghị Văn hóa huyện Năm Nhùn	Năm Nhùn	21-24	933/21.7.21	50.000	50.000	8.900	Ban QLDA các công trình xây dựng cơ bản huyện Năm Nhùn	
I5	AN NINH VÀ TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI				75.000	75.000	16.900		
	Các dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2023				75.000	75.000	16.900		
	<i>Dự án nhóm B</i>				75.000	75.000	16.900		
I	Đầu tư cơ sở làm việc công an các xã, thị trấn	Trên địa bàn các huyện	22-25	1632/07.12.21	75.000	75.000	16.900	Công an tỉnh	
II	PHÂN BỐ CHI TIẾT SAU						21.500		
B	VỐN THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN TRONG ĐIỂM CỎ TÍNH LIÊN KẾT VÙNG				3.866.000	3.066.000	620.000		
I	PHÂN BỐ CHI TIẾT				566.000	566.000	273.000		
	BỐ TRÍ CHO CÁC DỰ ÁN THÀNH PHẦN THỰC HIỆN ĐỂ AN ỔN ĐỊNH DÂN CƯ, PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG TÀI ĐỊNH CƯ THỦY ĐIỆN SƠN LA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU				566.000	566.000	273.000		
	Các dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2023				566.000	566.000	273.000		
	<i>Dự án nhóm B</i>				566.000	566.000	273.000		

✓



TT	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch năm 2023	Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Trong đó: NSTW			
				Tổng số					
1	Đầu tư sửa chữa, nâng cấp các công trình giao thông thuộc các khu, điểm TĐC các xã: Nậm Cha, Cản Co, Noong Héo, Nậm Mạ huyện Sin Hồ	Sin Hồ	21-24	1241/24.9.21	150.000	150.000	50.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
2	Đầu tư sửa chữa, nâng cấp các công trình giao thông thuộc các khu, điểm TĐC các xã: Nậm Cha, Nậm Hăn, Nậm Mạ huyện Sin Hồ	Sin Hồ	21-24	1280/01.10.21	183.000	183.000	110.500	Ban QLDA ĐTXD huyện Sin Hồ	
3	Đầu tư sửa chữa, nâng cấp các công trình giao thông thuộc các khu, điểm TĐC các xã: Cản Co, Lung Thàng, Pa Khóa, Noong Héo, Nậm Cười huyện Sin Hồ; các xã: Lê Lợi, Nậm Hàng, Nậm Mạnh huyện Nậm Nhùn; Thị trấn Tam Đường huyện Tam Đường; Thị trấn Phong thổ huyện Phong Thổ	Sin Hồ; Tam Đường, Nậm Nhùn, Phong Thổ	21-24	1281/01.10.21	147.000	147.000	74.500	Ban QLDA ĐTXD huyện Sin Hồ	
	<p><i>Các hạng mục: Kè + rãnh thoát nước điểm tái định cư Nà Cười; Đường Nậm Pành - Nậm Cười - Chấm Danh huyện Sin Hồ; Hạng mục Kè + rãnh thoát nước thuộc công trình mới bằng xi măng đá hoặc Mặt bằng số 1, 2 và 3 điểm tái định cư Làng Cừ; Mặt đường nội bộ rãnh thoát nước điểm dân cư số 1 khu tái định cư Pa Khóa; Mặt đường nội bộ rãnh thoát nước và môi trường điểm dân cư số 2 khu tái định cư Pa Khóa; Đường Noong Héo-Nậm Coong-Nậm Cười.</i></p> <p><i>Các hạng mục: Đường sông Đà Nậm Mạnh (giai đoạn I); Mặt đường nội bộ, rãnh thoát nước và môi trường điểm dân cư số 1 (điểm tái định cư Bàn Chơ); Mặt đường nội bộ, rãnh thoát nước và môi trường điểm dân cư số 2 (Chiêng Nè); Mặt đường nội bộ, rãnh thoát nước và môi trường điểm dân cư số 3 (Ten Co Mùn); Mặt đường nội bộ, rãnh thoát nước và môi trường điểm tái định cư Ten Co Mùn (Giai đoạn II); Đường Nậm Doong - Pù Dao; Đường giao thông nội đồng Ten Co Mùn-Nậm Pù; Mặt đường giao thông nội bộ, thoát nước và môi trường điểm tái định cư Phiêng Luông; Đường giao thông nội đồng (nhánh 4: điểm tái định cư Nậm Hàng); Đường giao thông nội đồng (nhánh 3: điểm tái định cư Nậm Hàng; nhánh 5: điểm tái định cư Phiêng Luông); Đường nội bộ và mặt bằng điểm tái định cư Nậm Ty; Rải mặt đường và kiên cố hệ thống thoát nước môi trường điểm tái định cư Nậm Mạnh</i></p>				63.500	63.500	30.800	Ban QLDA các công trình xây dựng cơ bản huyện Nậm Nhùn	



TT	Hạng mục: Giao thông nội đồng tái định cư thị trấn Tam Dương Các hạng mục: Hệ thống rãnh thoát nước & môi trường điểm tái định cư Huổi Lương; Đường giao thông điểm tái định cư Huổi Lương	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2023	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				
					Tổng số	Trong đó: NSTW			
				4.500	4.500	500	Ban QLDA huyện Tam Dương		
				14.000	14.000	4.200	Ban QLDA huyện Phong Thổ		
4	Đầu tư sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi, nước sinh hoạt thuộc các khu, điểm TDC các xã: Nậm Hân, Nậm Mạ, Pa Khôa, Nậm Cha, Nậm Tăm, Tủa Sín Chải huyện Sín Hồ; các xã: Nậm Mạnh, Nậm Hàng, Lê Lợi huyện Nậm Nhùn; Thị trấn Phong Thổ huyện Phong Thổ	Sín Hồ; Nậm Nhùn, Phong Thổ	21-24	1282/01.10.21	86.000	86.000	38.000	Ban QLDA PTXD huyện Sín Hồ	
	Các hạng mục: Nước sinh hoạt bản Huổi Lá cụm điểm dân cư Huổi Pha; Nước sinh hoạt số 01 (giai đoạn 1) khu tái định cư Nậm Mạ; Nước sinh hoạt cho điểm dân cư số 1,2,3 khu tái định cư Pa Khôa; Nước sinh hoạt cụm điểm Chiềng Lông khu tái định cư Nậm Cha; Nước sinh hoạt số 02 khu tái định cư Nậm Mạ; Nước sinh hoạt điểm dân cư Phiêng Ớt; Nước sinh hoạt bản Thành Chải				62.500	62.500	25.500	Ban QLDA PTXD huyện Sín Hồ	
	Các hạng mục: Thủy Lợi Nậm Mạnh; Nước sinh hoạt điểm dân cư số 3 (Ten Co Mùn); Nước sinh hoạt điểm TDC Ten Co Mùn (giai đoạn II); Nước sinh hoạt điểm tái định cư Nậm Ty; Nước sinh hoạt điểm tái định cư Nậm Mạnh; Nước sinh hoạt điểm dân cư số 1 (Bản Chọi); Nước sinh hoạt điểm dân cư số 2 (điểm tái định cư Chiềng Lê)				20.500	20.500	11.500	Ban QLDA các công trình xây dựng cơ bản huyện Nậm Nhùn	
	Hạng mục: Thủy lợi Nậm Hàng				3.000	3.000	1.000	Ban QLDA huyện Phong Thổ	
II	PHÂN BỐ CHI TIẾT SAU				3.300.000	2.500.000	347.000		
1	Hầm đường bộ qua đèo Hoàng Liên kết nối thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai với huyện Tam Dương, tỉnh Lai Châu	Tam Dương	23-25		3.300.000	2.500.000	347.000		Phân bổ chi tiết khi đầu điều kiện

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023
THỰC HIỆN 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA**

(Kèm theo Quyết định số: **1638** /QĐ-UBND ngày **12** /**12** /2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Dự án, tiểu dự án/Đơn vị thực hiện	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2023	Ghi chú
	TỔNG SỐ	881.799	
A	Chương trình MTQG Xây dựng Nông thôn mới	66.550	
1	Thành phố Lai Châu	3.244	
2	Huyện Than Uyên	21.921	
3	Huyện Tân Uyên	7.299	
4	Huyện Tam Đường	22.732	
5	Huyện Phong Thổ	3.244	
6	Huyện Sìn Hồ	3.244	
7	Huyện Nậm Nhùn	2.433	
8	Huyện Mường Tè	2.433	
B	Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững	268.441	
I	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng KTXH tại các huyện nghèo	247.469	
<i>a</i>	<i>Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng KTXH tại các huyện nghèo</i>	<i>176.769</i>	
1	Huyện Phong Thổ	45.500	
2	Huyện Sìn Hồ	46.545	
3	Huyện Nậm Nhùn	40.793	
4	Huyện Mường Tè	43.931	
<i>b</i>	<i>Tiểu dự án 2: Triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt</i>	<i>70.700</i>	<i>Phân bổ chi tiết sau</i>
II	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	20.972	
<i>a</i>	<i>Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn</i>	<i>18.086</i>	
1	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	18.086	
<i>b</i>	<i>Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững</i>	<i>2.886</i>	
2	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	2.886	
C	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	546.808	
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	57.125	
a	Cấp tỉnh thực hiện	22.736	
1	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT	9.056	Chi tiết theo phụ lục 03
2	Phân bổ chi tiết sau	13.680	
b	Cấp huyện thực hiện	34.389	



STT	Dự án, tiểu dự án/Đơn vị thực hiện	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2023	Ghi chú
1	Thành phố Lai Châu	1.049	
2	Huyện Than Uyên	4.987	
3	Huyện Tân Uyên	1.980	
4	Huyện Tam Đường	3.491	
5	Huyện Phong Thổ	6.546	
6	Huyện Sìn Hồ	7.365	
7	Huyện Nậm Nhùn	3.951	
8	Huyện Mường Tè	5.020	
II	Dự án 2: Dự án chi tiết Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	36.061	
1	Thành phố Lai Châu	1.959	
2	Huyện Than Uyên	1.385	
3	Huyện Tân Uyên	2.687	
4	Huyện Tam Đường	4.986	
5	Huyện Phong Thổ	10.438	
6	Huyện Sìn Hồ	2.770	
7	Huyện Nậm Nhùn	7.148	
8	Huyện Mường Tè	4.688	
III	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	8.286	
III.2	Tiểu dự án 2	8.286	
1	Huyện Tân Uyên	534	
2	Huyện Tam Đường	1.585	
3	Huyện Phong Thổ	1.619	
4	Huyện Sìn Hồ	1.585	
5	Huyện Nậm Nhùn	534	
6	Huyện Mường Tè	2.429	
IV	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	233.336	
a	Cấp tỉnh thực hiện	3.967	
1	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	3.967	Chi tiết theo phụ lục 03
b	Cấp huyện thực hiện	229.369	
1	Thành phố Lai Châu	1.327	
2	Huyện Than Uyên	17.839	
3	Huyện Tân Uyên	4.977	
4	Huyện Tam Đường	24.477	
5	Huyện Phong Thổ	46.474	

STT	Dự án, tiểu dự án/Đơn vị thực hiện	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2023	Ghi chú
6	Huyện Sin Hồ	52.335	
7	Huyện Nậm Nhùn	34.080	
8	Huyện Mường Tè	47.860	
V	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	111.396	
<i>V.1</i>	<i>Tiểu dự án 1</i>	<i>111.396</i>	
a	Cấp tỉnh thực hiện	90.802	
1	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	90.802	Chi tiết theo phụ lục 03
b	Cấp huyện thực hiện	20.594	
1	Huyện Than Uyên	1.902	
2	Huyện Tân Uyên	926	
3	Huyện Tam Đường	1.976	
4	Huyện Phong Thổ	3.456	
5	Huyện Sin Hồ	3.227	
6	Huyện Nậm Nhùn	4.225	
7	Huyện Mường Tè	4.882	
VI	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	13.183	
1	Thành phố Lai Châu	2.293	
2	Huyện Than Uyên	674	
3	Huyện Tân Uyên	539	
4	Huyện Tam Đường	3.709	
5	Huyện Phong Thổ	708	
6	Huyện Sin Hồ	607	
7	Huyện Nậm Nhùn	809	
8	Huyện Mường Tè	3.844	
VII	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	7.235	
1	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	7.235	Chi tiết theo phụ lục 03
VIII	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	80.186	
1	Huyện Tam Đường	10.024	
2	Huyện Sin Hồ	7.517	
3	Huyện Nậm Nhùn	40.093	
4	Huyện Mường Tè	22.552	



✓

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023 - CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG ĐÔNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI CẤP TỈNH THỰC HIỆN

(Kèm theo Quyết định số: **1638** /QĐ-UBND ngày **12** / **12** /2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

Đơn vị: Triệu đồng



TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư				Kế hoạch năm 2023		Ghi chú
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMBĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW		
						Trong đó:	NSDP				
	TỔNG SỐ				545.527	508.863	36.664	132.032	132.032		
A	CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG				86.984	86.984	0	20.972	20.972		
I	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững				86.984	86.984	0	20.972	20.972		
I	Tiêu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn				77.506	77.506	0	18.086	18.086		
	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp				77.506	77.506	0	18.086	18.086		
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023				77.506	77.506	0	18.086	18.086		
I	Xây dựng, nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất trường Cao đẳng Công đồng Lai Châu	TP Lai Châu	22-25	1537/28.11.22	77.506	77.506	0	18.086	18.086		
II	Tiêu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững				9.478	9.478	0	2.886	2.886		
	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội				9.478	9.478	0	2.886	2.886		
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023				9.478	9.478	0	2.886	2.886		
I	Đầu tư xây dựng, trang thiết bị sân giao dịch việc làm và hệ thống thông tin thị trường lao động tỉnh Lai Châu	TP Lai Châu	22-24	1143/26.8.22	9.478	9.478	0	2.886	2.886		
B	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐÔNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI				458.543	421.879	36.664	111.060	111.060		



TT	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Số quyết định ngày, năm ban hành	Quyết định đầu tư				Ghi chú	
					TMĐT		Kế hoạch năm 2023			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó NSTW
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023									
1	Nước sinh hoạt bản Nậm Tàng, xã Hua Bùm, huyện Nậm Nhùn	Xã Hua Bùm, Huyện Nậm Nhùn	22-24	952/01.8.22	2.400	2.400	0	540	540	
2	NSH bản Hua Đán, bản Tả Lòm, bản Ché Hạng xã Khoen On, huyện Than Uyên	Xã Khoen On, Huyện Than Uyên	22-24	953/01.8.22	1.670	1.670	0	370	370	
3	NSH bản Nà Hiêng, xã Nà Tâm, huyện Tam Đường	Xã Nà Tâm, Huyện Tam Đường	22-24	954/01.8.22	1.800	1.800	0	400	400	
4	NSH bản Noong Thàng, Sam Sầu, Sấp Ngùa, Che Bó, Nậm Vai xã Phúc Than, huyện Than Uyên	Xã Phúc Than, Huyện Than Uyên	22-24	955/01.8.22	9.100	9.100	0	2.030	2.030	
5	Sửa chữa NSH bản Lao Chải, nhóm hộ bản Gia Khâu bản Phó Vây, xã Sì Lở Lầu, huyện Phong Thổ	Xã Sì Lở Lầu, Huyện Phong Thổ	22-24	956/01.8.22	2.460	2.460	0	550	550	
6	Cụm công trình: NSH bản Ngải Chu, NSH bản Tà Cu Tý, xã Giang Ma, huyện Tam Đường	Xã Giang Ma, Huyện Tam Đường	22-24	957/01.8.22	3.000	3.000	0	670	670	
7	Sửa chữa NSH bản Ma Ly Pho, xã Ma Ly Pho, huyện Phong Thổ	Xã Ma Ly Pho, Huyện Phong Thổ	22-24	958/01.8.22	600	600	0	140	140	
8	Nước sinh hoạt bản Huổi Linh, xã Nậm Chà, huyện Nậm Nhùn	Xã Nậm Chà, huyện Nậm Nhùn	22-24	959/01.8.22	2.600	2.600	0	590	590	
9	Sửa chữa NSH bản Hợp II, xã Đào San, huyện Phong Thổ	Xã Đào San, Huyện Phong Thổ	22-24	960/01.8.22	3.700	3.700	0	840	840	



TT	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2023		Ghi chú	
				TMBĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	NSDP				
10	NSH trung tâm xã (bàn Tân Lập, Cuối tờ 1+2, Cuối Nưa, Nà Lạnh và các đơn vị xã), xã Nậm Cuối, huyện Sin Hồ	Xã Nậm Cuối, Huyện Sin Hồ	22-24	961/01.8.22	8.640	8.640		2.026	2.026	
11	Nước sinh hoạt bản Nậm Pồ, xã Nậm Mạnh, huyện Nậm Nhùn	Xã Nậm Mạnh huyện Nậm Nhùn	22-24	962/01.8.22	1.780	1.780		400	400	
12	Nước sinh hoạt bản Thào, xã Hồ Mít, huyện Tân Uyên	Xã Hồ Mít, Huyện Tân Uyên	22-24	963/01.8.22	2.250	2.250		500	500	
II	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi				13.000	12.000	1.000	3.967	3.967	
	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp				13.000	12.000	1.000	3.967	3.967	
<i>a</i>	<i>Dự án dự kiến hoàn thành năm 2023</i>				9.000	8.000	1.000	2.280	2.280	
1	Trạm y tế xã Bàn Lang	H. Phong Thổ	22-24	1322/24.8.22	4.500	4.000	500	1.150	1.150	
2	Trạm y tế xã Nậm Pi	H. Nậm Nhùn	22-24	1130/24.8.22	4.500	4.000	500	1.130	1.130	
<i>b</i>	<i>Dự án khởi công mới năm 2023</i>				4.000	4.000	0	1.687	1.687	
1	Cải tạo, sửa chữa trạm y tế xã Nậm Ban	Nậm Nhùn	23-25	1587/02.12.22	800	800	0	335	335	
2	Cải tạo, sửa chữa trạm y tế xã Nậm Chà	Nậm Nhùn	23-25	1584/02.12.22	800	800	0	335	335	
3	Cải tạo, sửa chữa trạm y tế xã Pa Ủ	Mường Tè	23-25	1586/02.12.22	800	800	0	335	335	
4	Cải tạo, sửa chữa trạm y tế xã Trung Chải	Nậm Nhùn	23-25	1583/02.12.22	800	800	0	335	335	
5	Cải tạo, sửa chữa trạm y tế xã Bùn Tở	Mường Tè	23-25	1585/02.12.22	800	800	0	347	347	
III	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực				373.543	339.894	33.649	90.802	90.802	



TT	Tiêu dự án 1: Đối mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường PTDT cơ học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư				Kế hoạch năm 2023		Ghi chú	
					TMBĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW		
					Trong đó:		NSTW					NSDP
<i>a</i>	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023</i>											
1	Trường PTDT nội trú huyện Tam Đường	H. Tam Đường	22-24	1127/24.8.22	252.300	229.673	22.627	75.850	75.850			
2	Trường tiểu học xã Khoen on	H. Than Uyên	22-24	1122/24.8.22	22.000	20.650	1.350	6.910	6.910			
3	Trường THCS xã Hố Mít	H. Tân Uyên	22-24	1133/24.8.22	8.500	7.829	671	2.610	2.610			
4	Xây dựng cơ sở vật chất các trường phổ thông dân tộc bán trú tiểu học xã Thèn Sin; Phổ thông DTBT tiểu học Tà Leng và phổ thông dân tộc bán trú tiểu học Bàn Bo	H. Tam Đường	22-24	1117/23.8.22	26.000	24.308	1.692	8.110	8.110			
5	Trường PTDT bán trú THCS xã Căn Co	H. Sin Hồ	22-24	1128/24.8.22	34.000	30.182	3.818	9.870	9.870			
6	Xây dựng cơ sở vật chất các trường phổ thông dân tộc bán trú THCS Hoàng Thén; Phổ thông DTBT bán trú TH và THCS Pa Vây Sừ	H. Phong Thổ	22-24	1126/24.8.22	25.500	23.882	1.618	7.980	7.980			
7	Xây dựng cơ sở vật chất các trường phổ thông dân tộc bán trú tiểu học và THCS Nặm Ban; Phổ thông DTBT tiểu học Hua Bum	H. Năm Nhùn	22-24	1125/24.8.22	28.000	25.630	2.370	8.480	8.480			
8	Xây dựng cơ sở vật chất các trường phổ thông dân tộc bán trú tiểu học Nặm Pí; Phổ thông DTBT tiểu học Nặm Chà	H. Năm Nhùn	22-24	1135/24.8.22	28.500	26.116	2.384	8.650	8.650			
9	Trường PTDT bán trú THCS Pa Ủ huyện Mường Tè	H. Mường Tè	22-24	1123/24.8.22	35.000	31.564	3.436	10.320	10.320			
<i>b</i>	<i>Dự án khởi công mới năm 2023</i>											
1	Xây dựng cơ sở vật chất các trường THPT DTNT Than Uyên, DTNT tỉnh, Phổ thông DTNT huyện Mường Tè, THPT Nặm Tăm, DTNT THPT Sin Hồ, THPT Mường Tè	Các huyện Than Uyên, Sin Hồ, Thành Phố và huyện Mường Tè	23-25	1602/05.12.22	31.337	28.488	2.849	3.850	3.850			



TT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2023		Ghi chú
					TMBĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	NSDP			
2	Xây dựng cơ sở vật chất các trường Tiểu học Phìn Hồ; Trường Phổ thông dân tộc bán trú tiểu học Năm Hăn	Huyện Sin Hồ	23-25	1591/02.12.22	18.924	17.204	1.720	2.330	2.330	
3	Xây dựng cơ sở vật chất các trường: Phổ thông dân tộc bán trú THCS Vàng Ma Chải; Phổ thông PTTDTBT THCS Si Lô Lô Lầu	Huyện Phong Thổ	23-25	1590/02.12.22	26.291	23.901	2.390	3.230	3.230	
4	Xây dựng cơ sở vật chất các trường Phổ thông dân tộc bán trú TH&THCS Vàng San; Phổ thông dân tộc bán trú THCS Mù Cà	Huyện Mường Tè	23-25	1601/05.12.22	19.620	17.836	1.784	2.410	2.410	
5	Xây dựng cơ sở vật chất các trường PTTDTBT tiểu học và THCS Nậm Ngà và Trường PTTDTBT TH Pa Vê Sù	Huyện Mường Tè	23-25	1603/05.12.22	25.071	22.792	2.279	3.132	3.132	
IV	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tâm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em				32.000	29.985	2.015	7.235	7.235	
1	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp				32.000	29.985	2.015	7.235	7.235	
a	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2023				32.000	29.985	2.015	7.235	7.235	
1	Trung tâm y tế huyện Mường Tè	Thị trấn Mường Tè	22-24	1124/24.8.22	32.000	29.985	2.015	7.235	7.235	